

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-ST  
Ngày 19/5/2022  
V/v “Tranh chấp yêu cầu  
thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Phạm Công Lương

- Ông Nguyễn Xuân Tùng

**- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly Na, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Nguyễn H, sinh năm 1984. Địa chỉ: đường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Đinh Vũ T, sinh năm 1983; Địa chỉ: đường D, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: đường M, phường K, quận A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1988. Địa chỉ: đường D, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: đường M, phường K, quận A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

*Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1945. Có mặt

- Ông Đặng Nguyễn Hữu G, sinh năm 1990. Có mặt

Cùng địa chỉ: đường Đ, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn nội dung vụ án như sau:

Do có quen biết từ trước, nên bà Đặng Nguyễn H đã liên hệ với ông Đinh Vũ T để thỏa thuận về việc xin việc làm cho người quen của bà. Vào ngày 16/8/2019 bà H và ông T đã gặp nhau tại quán cà phê 34 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, hai bên thỏa thuận ông T nhận số tiền 30.000.000 đồng để xin việc cho em của bà H; Hẹn đến tháng 12/2019 sẽ có kết quả; Nếu không được sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Bà H đã giao cho ông T hồ sơ xin việc và số tiền 30.000.000 đồng. Ông T đã viết giấy nhận tiền. Tuy nhiên, hết thời hạn thỏa thuận, ông T vẫn không xin việc được cho em bà H. Bà H đã nhiều lần liên lạc đòi lại số tiền trên nhưng ông T không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T trả lại cho bà số tiền 30.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Vũ T trình bày:

Giữa ông và bà H có nhiều thỏa thuận để thực hiện các công việc khác nhau, như làm hộ khẩu cho mẹ của bà H, xin việc cho em bà H... Ngày 16/8/2019, ông có gặp bà H và thỏa thuận về việc xin việc cho em bà H. Ông có viết giấy nhận tiền như nội dung bà H trình bày, nhưng ông không nhận tiền. Sau này, khoảng tháng 10/2019, khi bà H nhờ các công việc khác như làm hộ khẩu cho mẹ bà H là bà Nguyễn Thị B, các giấy tờ nhân thân của em bà H là Đặng Nguyễn Hà P, Đặng Nguyễn Hữu G thì ông mới nhận số tiền 30.000.000 đồng để chi phí khi làm thủ tục hành chính và chi phí đi lại. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu của bà H về việc đòi lại số tiền 30.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị M để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà M vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà có nhờ ông T thực hiện các thủ tục hành chính để làm sổ hộ khẩu cho bà, tuy nhiên việc này không liên quan đến thỏa thuận xin việc giữa bà H và ông T. Đối với việc bà nhờ ông T, bà có đưa cho ông T 20.000.000 đồng để thực hiện, nhưng chỉ thỏa thuận miệng với nhau và mọi việc đã được hoàn thành.

Người làm chứng là ông Đặng Nguyễn Hữu G trình bày: Ông có nhờ ông T thực hiện một số việc liên quan đến lý lịch cá nhân, nhưng sau đó không nhờ nữa.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 30.000.000 đồng làm một lần là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Vào ngày 16/8/2019 giữa bà Đặng Nguyễn H và ông Đinh Vũ T đã có thỏa thuận về việc ông T xin việc giúp cho em của bà H là bà Nguyễn Thị Lan P, với chi phí 30.000.000 đồng, thời hạn đến tháng 12/2019. Nếu không có kết quả, ông T sẽ hoàn trả lại cho bà H số tiền trên. Việc thỏa thuận được lập thành văn bản, do ông T viết tay. Tuy nhiên, hết thời hạn thỏa thuận, ông T vẫn không xin được việc cho bà Nguyễn Thị Lan P. Trên cơ sở thỏa thuận của các bên không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật, HĐXX nhận thấy ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, do đó yêu cầu của bà Như về việc ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền là phù hợp, cần chấp nhận.

Đối với trình bày của ông T về việc ông có viết giấy nhận tiền ngày 16/8/2019 nhưng không nhận số tiền 30.000.000 đồng tại thời điểm viết giấy, mà vào khoảng tháng 10/2019 ông đã nhận của bà H số tiền 30.000.000 đồng là tiền chi phí cho công việc khác. HĐXX nhận thấy, ông T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh trình bày của mình về việc không nhận tiền vào thời điểm viết giấy nhận tiền, không chứng minh được vào thời điểm tháng 10/2019 ông nhận 30.000.000 đồng của bà H, cũng như không cung cấp được chứng cứ về thỏa thuận làm các công việc khác với chi phí 30.000.000 đồng. Về thỏa thuận làm hộ khẩu cho bà B, bà B thừa nhận có nhờ ông T thực hiện các thủ tục hành chính để làm hộ khẩu cho bà với chi phí 20.000.000 đồng. Nhưng các bên chỉ thỏa thuận miệng, khoảng tháng 10/2019 bà đã giao tiền và sau đó ông T đã hoàn thành công việc, thỏa thuận này giữa bà và ông T không liên quan gì đến số tiền 30.000.000 đồng giữa bà H và ông T. Do đó, HĐXX thấy trình bày của ông T là không có căn cứ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Đặng Nguyễn H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều khoản 2 Điều 227, điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Nguyễn H đối với ông Đinh Vũ T.

**Xử:**

1. Buộc ông Đinh Vũ T phải trả cho bà Đặng Nguyễn H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) làm một lần.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) ông Đinh Vũ T phải chịu. Hoàn trả cho bà Đặng Nguyễn H 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 5239 ngày 13/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Thủy**